

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3375 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số điều Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1592/QĐ-UBND ngày 12/5/2023, số 1163/QĐ-UBND ngày 03/4/2020, số 578/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4684/TTr-SGTVT ngày 05/8/2024; báo cáo thẩm định số 4683/SGTVT-TĐKHKT ngày 05/8/2024 về điều chỉnh cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án Đường giao thông từ ngã ba Voi (TP. Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án Đường giao thông từ ngã ba Voi (TP. Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2009; điều chỉnh dự án tại các Quyết định: số 1163/QĐ-UBND ngày 03/4/2020, số 578/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 và số 1592/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 với nội dung chủ yếu gồm:

- Phạm vi, quy mô đầu tư: Xây dựng 11,743km đường đạt đường phố chính đô thị; điểm đầu Km0 - tại ngã ba Voi (thành phố Thanh Hoá) giao với QL.1A; điểm cuối tại Km 11+743 - giao với đường 4C thuộc địa phận xã Quảng Vinh, thành phố Sầm Sơn gồm các đoạn tuyến:

+ Từ Km0+00-Km2+351: Chỉ giới xây dựng 59m, chỉ giới đường đỏ 50m; mặt đường $B_m=2 \times 12m=24m$; dải phân cách giữa $B_{pc}=5m$; vỉa hè $B_{vh}=2 \times 10,5m=21m$; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, điện chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh.

+ Từ Km2+351-Km8+500: Chỉ giới xây dựng 50m, chỉ giới đường đỏ 44m; xây dựng hai làn hai bên có $B_n=7,5m$; $B_m=5,5m$; dải phân cách và đất dự phòng ở giữa $B=14m$; lề đất $B_l=2 \times 7,5m=15m$; cống thoát nước, tuynel ngang.

+ Từ Km8+500-Km11+743 (đoạn từ nút giao với đường 4A- ĐT.511 đến cuối tuyến giao với đường 4C): Chỉ giới xây dựng 50m, chỉ giới đường đỏ 44m; mặt đường $B_m=2 \times 12m=24m$; dải phân cách giữa $B_{pc}=5m$; hè đường hai bên $B_{vh}=2 \times 7,5m=15m$. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật: thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt; tuynel kỹ thuật ngầm dưới vỉa hè; điện chiếu sáng; hè đường, dải phân cách giữa và cây xanh đô thị; nút giao với ĐT.511.

- Tổng mức đầu tư 1.360,27 tỷ đồng (chi phí GPMB 427,89 tỷ đồng; chi phí xây dựng, thiết bị 828,77 tỷ đồng; chi phí quản lý dự án, tư vấn và chi khác 46,77 tỷ đồng; chi phí dự phòng 56,84 tỷ đồng).

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh (vốn đầu tư phát triển, vốn tạm ứng Kho bạc Nhà nước, vốn vay Kho bạc Nhà nước, nguồn tăng thu, sắp xếp nhiệm vụ chi, vốn thu tiền sử dụng đất và các nguồn ngân sách khác (nếu có); nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách cấp tỉnh hàng năm để đầu tư hoàn thành đoạn Km8+500-Km11+743.

- Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành năm 2025.

2. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai dự án, đơn giá, chính sách bồi thường, khối lượng kiểm kê thực tế GPMB có thay đổi so với phương án khái toán trong hồ sơ khảo sát của dự án đầu tư, làm tăng chi phí bồi thường GPMB, nhưng chưa vượt tổng mức đầu tư dự án. Vì vậy, để triển khai thực hiện hoàn thành dự án đảm bảo yêu cầu quản lý, bố trí vốn và thực hiện thanh toán qua Kho bạc Nhà nước đối với chủ đầu tư GPMB dự án, việc điều chỉnh cơ cấu giá trị của các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án là phù hợp và cần thiết.

3. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí: 1.360.273.000.000 đồng (*Một nghìn ba trăm sáu mươi tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu đồng*); trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	436.638.502.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	826.827.371.000 đồng.
- Chi phí thiết bị:	1.942.875.000 đồng.
- Chi phí QLDA:	8.450.455.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	20.361.791.000 đồng.
- Chi phí khác:	17.963.003.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	48.088.959.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

4. Các nội dung khác: Giá trị các khoản mục chi phí sau khi điều chỉnh cơ cấu giá trị được cập nhật vào dự án đã được phê duyệt. Các nội dung khác được giữ nguyên theo các Quyết định đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 và số 1163/QĐ-UBND ngày 03/4/2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Giao thông vận tải, UBND thành phố Sầm Sơn chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung số liệu trình thẩm định, phê duyệt.

- Trên cơ sở cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí phê duyệt tại Điều 1 nêu trên, giao Sở Giao thông vận tải, UBND thành phố Sầm Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư CTGT Thanh Hóa; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Các PCT UBND tỉnh ;
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ BIỂU 1:
ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ TRONG TỔNG KINH
PHÍ ĐẦU TƯ THEO QUY MÔ ĐÃ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1163/QĐ-UBND
NGÀY 04/3/2020 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH

Dự án: Đường giao thông từ ngã ba voi (thành phố Thanh Hóa) đi
thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Kinh phí đầu tư theo QĐ số 1163/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	Điều chỉnh cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí	Chênh lệch tăng (+); giảm (-)
I	BỒI THƯỜNG GPMB	156.752.641.000	165.500.641.000	8.748.000.000
II	XÂY DỰNG	51.292.965.000	51.292.965.000	
III	QUẢN LÝ DỰ ÁN	615.516.000	615.516.000	
IV	TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.941.174.000	1.941.174.000	
1	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	77.452.000	77.452.000	
2	Lập HSMT, đánh giá HSDT TV KS, TK BVTC, DT	4.298.000	4.298.000	
3	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn giám sát	10.023.000	10.023.000	
4	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT kiểm toán	11.213.000	11.213.000	
5	Giám sát kỹ thuật - thi công	1.228.283.000	1.228.283.000	
6	Chi phí khảo sát bước lập báo cáo NCKT	9.196.000	9.196.000	
7	Chi phí lập báo cáo NCKT điều chỉnh	112.731.000	112.731.000	
8	Chi phí khảo sát bước BVTC	300.000.000	300.000.000	
9	Chi phí thiết kế bước BVTC	187.978.000	187.978.000	
V	CHI PHÍ KHÁC	1.885.316.000	1.885.316.000	
1	Bảo hiểm công trình	128.232.413	128.232.413	
2	Thẩm định dự án đầu tư điều chỉnh	11.428.000	11.428.000	
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC	35.235.000	35.235.000	
4	Phí thẩm định dự toán	33.415.000	33.415.000	
5	Thẩm định HSMT và KQĐT xây lắp	46.630.000	46.630.000	
6	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn GS	2.000.000	2.000.000	
7	TĐ HSMT và KQLCNT gói thầu TVKS-TKBVTC, DT	2.000.000	2.000.000	
8	Thẩm định HSMT và KQĐT kiểm toán	2.000.000	2.000.000	
9	Chi phí kiểm toán	1.249.188.000	1.249.188.000	
10	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	375.188.000	375.188.000	
VI	DỰ PHÒNG	17.241.283.000	8.493.283.000	- 8.748.000.000
	TỔNG CỘNG	229.728.895.000	229.728.895.000	

PHỤ BIỂU 2:
BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU GIÁ TRỊ
CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ TRONG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Dự án: Đường giao thông từ ngã ba voi (thành phố Thanh Hóa) đi
thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT đã duyệt (QĐ số 1592/QĐ- UBND ngày 12/5/2023)	Điều chỉnh cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
I	BỒI THƯỜNG GPMB	427.890.502.000	436.638.502.000	8.748.000.000
II	XÂY DỰNG	826.827.371.000	826.827.371.000	
III	THIẾT BỊ	1.942.875.000	1.942.875.000	
IV	QUẢN LÝ DỰ ÁN	8.450.455.000	8.450.455.000	
V	TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	20.361.791.000	20.361.791.000	
1	Khảo sát, thiết kế bước BCNCKT	2.536.813.000	2.536.813.000	
2	Khảo sát, thiết kế bước BVTC	8.259.742.000	8.259.742.000	
3	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	15.758.000	15.758.000	
4	Giám sát công tác khảo sát BVTC	22.306.000	22.306.000	
5	Thẩm tra thiết kế và dự toán BVTC	799.358.000	799.358.000	
6	Lập HSMT, đánh giá HSDT	459.238.000	459.238.000	
7	Giám sát thi công	7.397.168.000	7.397.168.000	
8	Cấm cọc GPMB, MLG	380.840.000	380.840.000	
9	Đánh giá tác động môi trường	160.390.000	160.390.000	
10	Thẩm định HSMT và KQĐT	330.176.000	330.176.000	
VI	CHI PHÍ KHÁC	17.963.003.000	17.963.003.000	
1	Bảo hiểm công trình	2.780.827.098	2.780.827.098	
2	Thẩm định DADT	77.150.000	77.150.000	
3	Thẩm định thiết kế BVTC	147.103.000	147.103.000	
4	Thẩm định dự toán	140.023.000	140.023.000	
5	Thẩm định HSMT và KQĐT	0	0	
6	Thẩm định giá (tạm tính)	180.000.000	180.000.000	
7	Kiểm toán công trình	2.053.253.000	2.053.253.000	
8	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	804.647.000	804.647.000	
9	Rà phá bom mìn	1.780.000.000	1.780.000.000	
10	Hoàn trả đường công vụ v/c đồ vật liệu không thích hợp	10.000.000.000	10.000.000.000	
VII	DỰ PHÒNG	56.836.959.000	48.088.959.000	-8.748.000.000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	1.360.273.000.000	1.360.273.000.000	